

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọng;
2. Ông Võ Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; thường trú: Ấp S Nh, xã Tr L Th, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Tổ T, khu phố T L, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn Th, sinh năm 1978; thường trú: Số 179F, đường vành đai ĐHQG, khu phố T H, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1956; thường trú: Ấp S Nh, xã Tr L Th, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn Th sau thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L Th, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 01/2010, cấp ngày 24/02/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 179F, đường vành đai ĐHQG, khu phố T H, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Th thường xuyên đánh đập chị L và hiện tại vợ chồng sống ly thân. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Mai Đức Tr, sinh ngày 05/6/2010 và Mai Thanh H, sinh ngày 25/3/2017. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Mai Văn Th:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 13/4/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/5/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2020 và ngày 13/7/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lan và anh Thái do Tòa án tiến hành ngày 27/3/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị L và anh Th trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị L không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2020 và ngày 13/7/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn Th tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L Th, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 01/2010, cấp ngày 24/02/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Th thường xuyên đánh đập chị L và hiện tại vợ chồng sống ly thân. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị L và anh Th. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Mai Đức Tr, sinh ngày 05/6/2010 và Mai Thanh H, sinh ngày 25/3/2017. Hiện con chung đang ở cùng với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng các con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào lời khai của cháu Trung mong muốn được sống chung cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu Tr, H từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và vẫn phát triển tốt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Mai Văn Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, xét thấy hiện nay cháu Tr, H còn nhỏ đang độ tuổi đi học, không có tài sản để tự nuôi mình đồng thời chị L là công chức, đang làm việc và sinh sống cùng các con tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chị L yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con

1.000.000 đồng/tháng là chính đáng phù hợp với quy định tại các Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và anh Mai Văn Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83; 84, 107, 110, 117 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Mai Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với Anh Mai Văn Th (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Tr L Th, huyện C Ch, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2010).

Về con chung: Anh Mai Văn Th giao 02 con chung tên Mai Đức Tr, sinh ngày 05/6/2010 và Mai Thanh H, sinh ngày 25/3/2017 cho Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có yêu cầu thi hành án, nếu anh Mai Văn Th chậm trả số tiền trên thì hàng tháng anh Th còn phải trả chị L khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị L và anh Th đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040191 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Anh Mai Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã Trung Lập Thượng (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công